

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,

Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-25
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-25



CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần An Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Thịnh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4700145463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi.

Trụ sở của Công ty tại: Tổ 11C, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lô Đình Ních	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Nguyễn Xuân Ban	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Đặng Danh Sinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Nông Văn Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Vũ Văn Huỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Lô Văn Ứng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Lô Văn Khôn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lô Đình Ních	Giám đốc
Ông Lê Văn Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thắng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lô Văn Ngụy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Bà Nguyễn Thùy Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Bà Đỗ Thị Hằng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

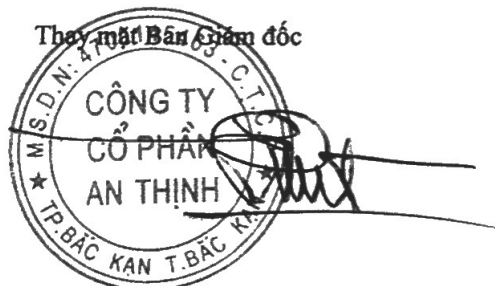
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lô Đình Ních
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016



Số 1936/2016/BC KTTC-AASC KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần An Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần An Thịnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 06 tháng 09 năm 2016, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần An Thịnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

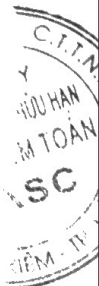
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		61.649.246.425	69.543.201.853
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.245.507.246	1.667.670.828
111	1. Tiền		1.245.507.246	1.667.670.828
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.268.458.843	32.026.279.915
131	1. Phải thu của khách hàng		17.875.702.687	24.397.911.153
132	2. Trả trước cho người bán		4.392.756.156	7.628.368.762
140	IV. Hàng tồn kho	4	37.366.893.297	35.461.687.852
141	1. Hàng tồn kho		37.366.893.297	35.461.687.852
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		768.387.039	387.563.258
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5	721.367.039	387.563.258
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		47.020.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		97.680.514.515	98.936.131.056
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		56.151.570.961	47.850.136.805
218	4. Phải thu dài hạn khác	6	56.151.570.961	47.850.136.805
220	II. Tài sản cố định		16.380.688.078	23.071.277.585
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	14.890.049.765	21.580.639.272
222	- Nguyên giá		36.953.322.820	40.388.777.365
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.063.273.055)	(18.808.138.093)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.490.638.313	1.490.638.313
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	25.000.000.000	25.000.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		25.000.000.000	25.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		148.255.476	3.014.716.666
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	148.255.476	3.014.716.666
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		159.329.760.940	168.479.332.909

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		84.212.485.815	93.710.628.591
310	I. Nợ ngắn hạn		84.212.485.815	91.910.628.591
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	66.659.641.376	66.546.340.442
312	2. Phải trả người bán		8.047.435.602	12.756.086.910
313	3. Người mua trả tiền trước		3.870.575.639	7.676.485.553
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.154.953.633	1.272.643.030
316	6. Chi phí phải trả	13	4.067.378.051	3.406.386.914
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	391.477.489	231.661.717
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.024.025	21.024.025
330	II. Nợ dài hạn		-	1.800.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	1.800.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		75.117.275.125	74.768.704.318
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	75.117.275.125	74.768.704.318
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		76.840.000.000	76.840.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.722.724.875)	(2.071.295.682)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		159.329.760.940	168.479.332.909



Vũ Thị Hạnh

Vũ Thị Hạnh
Người lập

Vũ Thị Hạnh

Vũ Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Lô Đình Ních

Lô Đình Ních
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	54.459.425.144	59.792.981.552
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.459.425.144	59.792.981.552
11	4. Giá vốn hàng bán	17	43.454.345.987	48.293.314.925
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.005.079.157	11.499.666.627
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	3.466.235.543	20.690.341
22	7. Chi phí tài chính	19	10.553.840.990	8.148.393.656
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.553.840.990	8.148.393.656
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	3.584.616.752	4.492.535.226
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		332.856.958	(1.120.571.914)
31	11. Thu nhập khác		212.115.364	2.829.338
32	12. Chi phí khác		196.401.515	20.000.027
40	13. Lợi nhuận khác		15.713.849	(17.170.689)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		348.570.807	(1.137.742.603)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>348.570.807</u>	<u>(1.137.742.603)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	22	454	(1.481)

(*) Mệnh giá một cổ phần của Công ty là 100.000 đồng.



Vũ Thị Hạnh
Người lập



Vũ Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Lô Đình Ních
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		66.342.083.224	74.807.101.866
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(38.569.656.122)	(31.987.577.409)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.518.968.787)	(6.695.262.866)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(7.086.462.939)	(7.595.191.573)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(333.803.781)	(251.489.593)
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.355.275.680)	(1.936.824.954)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		6.477.915.915	26.340.755.471
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(378.181.818)	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(25.000.000.000)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(8.301.434.156)	(4.263.866.042)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.466.235.543	20.690.341
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(5.213.380.431)	(29.243.175.701)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		38.123.612.734	48.242.263.353
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(39.810.311.800)	(46.374.299.009)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(1.686.699.066)	1.867.964.344
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		(422.163.582)	(1.034.455.886)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.667.670.828	2.702.126.714
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	1.245.507.246	1.667.670.828



Vũ Thị Hạnh
Người lập



Vũ Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Lô Đình Ních
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần An Thịnh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4700145463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04/02/2015 là 76.840.00.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 76.840.000.000 đồng; tương đương 768.400 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 100.000 đồng.

Trụ sở của Công ty tại: Tổ 11C, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng công trình;
- Khai thác quặng sắt;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; Xây dựng công trình thủ lợi;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu, thẩm tra thiết kế, dự toán công trình xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông, khảo sát địa chất công trình, giám sát thi công xây dựng công trình giao thông;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, phân tích độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm (tiếp theo):

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát sỏi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

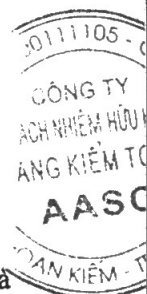
Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

2.6 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh được ghi nhận là nợ phải thu.

Các thông tin liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10	năm

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hoặc chu kỳ kinh doanh.

Các chi phí đã phát sinh trong năm nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

2.16 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.17 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	108.760.446	238.725.646
Tiền gửi ngân hàng	1.136.746.800	1.428.945.182
	<u>1.245.507.246</u>	<u>1.667.670.828</u>

4 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.733.052.132	4.493.211.374
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.633.841.165	30.968.476.478
	<u>37.366.893.297</u>	<u>35.461.687.852</u>

5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	721.367.039	387.563.258
	<u>721.367.039</u>	<u>387.563.258</u>

6 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô	56.151.570.961	47.850.136.805
	<u>56.151.570.961</u>	<u>47.850.136.805</u>

Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/LKKD/2011-DM-AT ngày 03/01/2011 về việc xây dựng và vận hành Dự án Khu nghỉ dưỡng SPA Cây Bò Đẻ tại Đảo Kê Xiết, Hồ Đồng Mô, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội do Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô làm chủ đầu tư cụ thể như sau: Tổng vốn góp dự kiến để thực hiện dự án khoản 440 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần An Thịnh góp từ 130 tỷ đến tối đa là 140 tỷ. Thời gian hợp tác là 22 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng hoặc đến khi có thỏa thuận khác. Hình thức góp vốn bằng tiền, bằng tài sản, hàng tồn kho, nhân công và các tài sản khác không trái quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi ích hay thua lỗ dựa trên việc phân chia chi tiêu thu nhập trước thuế + lãi vay + khấu hao (EBITDA) từ việc kinh doanh dịch vụ hàng năm của dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,

Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Tại ngày 01/01/2014	7.651.125.053	18.877.062.906	13.818.453.842	42.135.564	40.388.777.365					
Mua sắm	-	-	378.181.818	-	378.181.818					
Thanh lý, nhượng bán	-	(277.272.727)	-	-	(277.272.727)					
Giảm khác	-	(3.536.363.636)	-	-	(3.536.363.636)					
Tại ngày 31/12/2014	7.651.125.053	15.063.426.543	14.196.635.660	42.135.564	36.953.322.820					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Tại ngày 01/01/2014	2.009.350.145	8.701.013.579	8.055.638.805	42.135.564	18.808.138.093					
Trích khấu hao	363.343.339	1.581.462.905	1.391.199.930	-	3.336.006.174					
Thanh lý, nhượng bán	-	(80.871.212)	-	-	(80.871.212)					
Tại ngày 31/12/2014	2.372.693.484	10.201.605.272	9.446.838.735	42.135.564	22.063.273.055					
Giá trị còn lại										
Tại ngày 01/01/2014	5.641.774.908	10.176.049.327	5.762.815.037	-	21.580.639.272					
Tại ngày 31/12/2014	5.278.431.569	4.861.821.271	4.749.796.925	-	14.890.049.765					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

42.135.564 đồng.

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí thăm dò khai thác mỏ	1.490.638.313	1.490.638.313
	1.490.638.313	1.490.638.313

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	25.000.000.000	25.000.000.000
Cho vay dài hạn	25.000.000.000	25.000.000.000
	25.000.000.000	25.000.000.000

Cho vay dài hạn là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô vay theo Hợp đồng Số 01.08.13/HĐVV ngày 01/08/2013 và Phụ lục số 25.10.14/HĐVV ngày 25/10/2014, với nội dung như sau: thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày khoản vay được giải ngân; lãi suất đến hết 31/12/2014 là 14%/năm; từ 01/01/2015 là 9.6%/năm.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	148.255.476	208.329.752
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	2.806.386.914
	148.255.476	3.014.716.666

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	64.384.641.376	65.646.340.442
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Kạn	64.384.641.376	65.646.340.442
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.275.000.000	900.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Kạn (Xem thuyết minh)	2.275.000.000	900.000.000
	66.659.641.376	66.546.340.442

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Các Hợp đồng tín dụng theo món, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: thanh toán chi phí các hợp đồng thi công công trình kỹ với các khách hàng;
- + Thời hạn cho vay: từ 4 đến 11 tháng;
- + Lãi suất cho vay: từ 8,5%/năm đến 9,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng tài sản, các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, tài khoản tiền gửi tại ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTH ngày 17/07/2009 và phụ lục gia hạn với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 9.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: mua sắm máy móc thi công;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- + Lãi suất cho vay: kỳ đầu tiên 9,5%/năm, các kỳ sau theo thông báo của ngân hàng;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 2.275.000.000 đồng, số dư nợ gốc đến hạn thanh toán là 2.275.000.000 đồng.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.154.953.633	1.272.643.030
	<u>1.154.953.633</u>	<u>1.272.643.030</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.067.378.051	3.406.386.914
	<u>4.067.378.051</u>	<u>3.406.386.914</u>

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	391.477.489	231.661.717
	<u>391.477.489</u>	<u>231.661.717</u>

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2013			
Tại ngày 01/01/2013	76.840.000.000	(933.553.079)	75.906.446.921
Lỗi trong năm	-	(1.137.742.603)	(1.137.742.603)
Tại ngày 31/12/2013	76.840.000.000	(2.071.295.682)	74.768.704.318
Năm 2014			
Tại ngày 01/01/2014	76.840.000.000	(2.071.295.682)	74.768.704.318
Lãi trong năm	-	348.570.807	348.570.807
Tại ngày 31/12/2014	76.840.000.000	(1.722.724.875)	75.117.275.125

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Ông Lô Đình Ních	85,66%	65.819.500.000	85,66%	65.819.500.000
Ông Nông Văn Tuấn	3,89%	2.987.700.000	3,89%	2.987.700.000
Ông Vũ Văn Huỳnh	3,33%	2.556.600.000	3,33%	2.556.600.000
Ông Lô Văn Ứng	3,50%	2.692.700.000	3,50%	2.692.700.000
Ông Lô Văn Khôn	3,62%	2.783.500.000	3,62%	2.783.500.000
	100%	76.840.000.000	100%	76.840.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	76.840.000.000	76.840.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	76.840.000.000	76.840.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	76.840.000.000	76.840.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	768.400	768.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	768.400	768.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	768.400	768.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	768.400	768.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	768.400	768.400
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	100.000	100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	54.114.877.247	58.197.397.508
Doanh thu cung cấp dịch vụ	344.547.897	1.595.584.044
	54.459.425.144	59.792.981.552

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	43.098.270.960	47.359.596.167
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	356.075.027	933.718.758
	43.454.345.987	48.293.314.925

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	3.466.235.543	20.690.341
	3.466.235.543	20.690.341

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.553.840.990	8.148.393.656
	10.553.840.990	8.148.393.656

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	488.092.372	480.047.372
Chi phí nhân công	1.234.194.960	1.167.816.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	428.519.130	1.047.789.346
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.862.928	164.318.000
Chi phí khác bằng tiền	1.218.947.362	1.629.563.708
	3.584.616.752	4.492.535.226

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

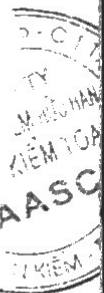
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	348.570.807	(1.137.742.603)
Các khoản điều chỉnh tăng	203.714.286	256.942.796
- Chi phí không hợp lệ	203.714.286	256.942.796
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.814.352.886)	(933.553.079)
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.814.352.886)	(933.553.079)
Tổng thu nhập tính thuế	(1.262.067.793)	(1.814.352.886)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(387.563.258)	(136.073.665)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(333.803.781)	(251.489.593)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(721.367.039)	(387.563.258)

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	348.570.807	(1.137.742.603)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	348.570.807	(1.137.742.603)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	768.400	768.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	454	(1.481)



CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.220.651.398	11.339.085.182
Chi phí nhân công	11.662.126.187	6.823.754.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.336.006.174	3.364.814.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.731.571.898	15.361.855.065
Chi phí khác bằng tiền	1.887.510.579	2.566.841.394
	45.837.866.236	39.456.351.026

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.245.507.246	-	1.667.670.828	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.027.273.648	-	72.248.047.958	-
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
	100.272.780.894	-	98.915.718.786	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	66.659.641.376	68.346.340.442
Phải trả người bán, phải trả khác	8.438.913.091	12.987.748.627
Chi phí phải trả	4.067.378.051	3.406.386.914
	79.165.932.518	84.740.475.983

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

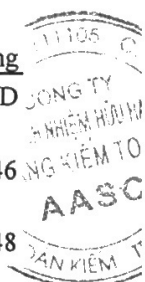
Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.245.507.246	-	-	1.245.507.246
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.027.273.648	-	-	74.027.273.648
Các khoản cho vay	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000
	<u>75.272.780.894</u>	<u>25.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>100.272.780.894</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.667.670.828	-	-	1.667.670.828
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72.248.047.958	-	-	72.248.047.958
Các khoản cho vay	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000
	<u>73.915.718.786</u>	<u>25.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>98.915.718.786</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	66.659.641.376	-	-	66.659.641.376
Phải trả người bán, phải trả khác	8.438.913.091	-	-	8.438.913.091
Chi phí phải trả	4.067.378.051	-	-	4.067.378.051
	79.165.932.518	-	-	79.165.932.518
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	66.546.340.442	1.800.000.000	-	68.346.340.442
Phải trả người bán, phải trả khác	12.987.748.627	-	-	12.987.748.627
Chi phí phải trả	3.406.386.914	-	-	3.406.386.914
	82.940.475.983	1.800.000.000	-	84.740.475.983

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . THÔNG TIN KHÁC

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4700145463, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 138.840.000.000 đồng, tương đương 13.884.000 đồng, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% toàn bộ hoạt động của Công ty và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	338.519.760	69.343.720

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Công ty lập chưa được kiểm toán.



Vũ Thị Hạnh
Người lập



Vũ Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Lô Đình Ních
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016

